

Số: 1893 /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hình thành từ Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 74/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài Chính về việc quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ đề nghị của Cục Đường bộ Việt Nam tại văn bản số 5408/CĐBVN-KHTC ngày 14/10/2025 về việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ đề nghị của Ban Quản lý dự án Đường sắt tại các văn bản số 3539/BQLDAĐS-BĐH VA-B ngày 24/10/2025 về việc báo cáo hoàn thành đưa vào khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với Dự án thành

phần đoạn Vũng Áng -Bùng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao Cục Đường bộ Việt Nam quản lý các hạng mục là tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hình thành từ Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng, chi tiết tại phụ lục kèm theo quyết định này.

Điều 2. Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm:

1. Quản lý, khai thác, bảo trì các tài sản được giao tại Điều 1 theo đúng quy định tại Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận, hạch toán tăng tài sản theo quy định. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ.

2. Trong quá trình khai thác, phối hợp với Chủ đầu tư các đơn vị có liên quan để theo dõi việc thực hiện các nội dung nêu tại Thông báo kết luận của Hội đồng kiểm tra nhà nước đối với dự án;

3. Quản lý tài sản được giao theo đúng quy định, kịp thời hạch toán điều chỉnh giá trị tài sản theo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành hoặc khi có thay đổi, điều chỉnh từ cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Ban Quản lý dự án Đường sắt có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các nội dung nêu tại Thông báo kết luận của Hội đồng kiểm tra nhà nước số 423/TB-HĐKTNN ngày 30/09/2025 về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành các công trình, hạng mục công trình “Dự án thành phần đoạn Vũng Áng - Bùng thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025”;

2. Chủ trì phối hợp với Cục Đường bộ Việt Nam để hoàn tất thủ tục về việc trình cấp có thẩm quyền chấp thuận việc đưa công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Vận tải và An toàn giao thông; Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng, Giám đốc Khu Quản lý đường bộ II, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đường sắt và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Lê Anh Tuấn (để biết);
- Cục QLCS - Bộ Tài chính;
- Công thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KHTC (Khang).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tường Văn

DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ GIAO CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM QUẢN LÝ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BXD ngày tháng 10 năm 2025 của Bộ Xây dựng)

1. Danh mục tài sản xử lý

TT	Tên tài sản	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp /hạng	Số lượng, chiều dài (cái)	Diện tích (m2)			Giá trị		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Diện tích đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
A	Khu Quản lý đường bộ II (Cục đường bộ Việt Nam) trực tiếp hạch toán tài sản				60,43				10.883.664.396.168	10.883.664.396.168			Nghị định số 186/2025/NĐ-CP
I	Đoạn tuyến cao tốc Vũng Áng - Bùng				60,43				10.883.664.396.168	10.883.664.396.168		Giao quản lý	
1	Đường				50,311				5.920.120.915.150	5.920.120.915.150			
1.1	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (Km568+200 - Km581+100)	Tỉnh Hà Tĩnh	2025	I	8,760				1.282.948.182.794	1.282.948.182.794	Mới đưa vào khai thác		
1.2	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (Km581+100 - Km624+228,79)	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	36,291				4.549.749.983.722	4.549.749.983.722	Mới đưa vào sử dụng		
1.3	Nút giao Tiến Châu Văn Hóa (Các nhánh 1-7, nhánh 9,10)	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	2,120				47.960.370.477	47.960.370.477	Mới đưa vào khai thác		
1.4	Nút giao Quốc lộ 12A (Các nhánh 1-7)	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	3,140				39.462.378.157	39.462.378.157	Mới đưa vào khai thác		
2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với cầu				8,943				3.585.087.026.288	3.585.087.026.288			
2.1	Cầu dầm I, T, Super T bê tông cốt thép dự ứng lực, móng cọc bê tông cốt thép				7,886				3.139.746.727.992	3.139.746.727.992			
Cầu có chiều dài >300m					6,763				2.731.189.542.847	2.731.189.542.847			
1	Cầu số 1	Tỉnh Hà Tĩnh	2025		0,943				394.030.112.650	394.030.112.650	Mới đưa vào khai thác		
2	Cầu số 2	Tỉnh Hà Tĩnh	2025		0,393				103.360.886.006	103.360.886.006	Mới đưa vào khai thác		

TT	Tên tài sản	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp hạng	Số lượng, chiều dài (cái)	Diện tích (m2)			Giá trị		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Diện tích đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
3	Cầu số 3	Tỉnh Hà Tĩnh	2025		0,619				209.655.461.278	209.655.461.278	Mới đưa vào khai thác		
4	Cầu số 4	Tỉnh Hà Tĩnh	2025		0,388				101.441.414.272	101.441.414.272	Mới đưa vào sử dụng		
5	Cầu số 5	Tỉnh Hà Tĩnh	2025		0,377				104.353.445.418	104.353.445.418	Mới đưa vào sử dụng		
6	Cầu Sông Gianh	Tỉnh Quảng Trị	2025		2,812				1.261.056.013.804	1.261.056.013.804	Mới đưa vào sử dụng		
7	Cầu Quảng Sơn 3	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,580				222.131.767.608	222.131.767.608	Mới đưa vào sử dụng		
8	Cầu Sông Son	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,651				335.160.441.812	335.160.441.812	Mới đưa vào sử dụng		
Cầu có chiều dài <300m					1,124				408.557.185.145	408.557.185.145			
1	Cầu số 6	Tỉnh Hà Tĩnh	2025		0,113				37.996.448.697	37.996.448.697	Mới đưa vào sử dụng		
2	Cầu Bưởi	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,052				17.255.209.076	17.255.209.076	Mới đưa vào sử dụng		
3	Cầu Lau	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,078				17.419.622.782	17.419.622.782	Mới đưa vào sử dụng		
4	Cầu Khe Cái	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,078				19.401.690.301	19.401.690.301	Mới đưa vào sử dụng		
5	Cầu Tiến Châu Văn Hóa	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,111				51.702.749.308	51.702.749.308	Mới đưa vào sử dụng		
6	Cầu Khe Sét	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,080				29.610.309.562	29.610.309.562	Mới đưa vào sử dụng		
7	Cầu Quảng Phương	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,052				22.403.004.003	22.403.004.003	Mới đưa vào sử dụng		
8	Cầu cạn 11	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,210				72.673.217.771	72.673.217.771	Mới đưa vào sử dụng		
9	Cầu cạn 12	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,288				105.865.507.456	105.865.507.456	Mới đưa vào sử dụng		
10	Cầu Liên Trạch	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,060				34.229.426.187	34.229.426.187	Mới đưa vào sử dụng		
2.2	Cầu dầm bản bê tông cốt thép dự ứng lực, móng cọc bê tông cốt thép				1,056				445.340.298.295	445.340.298.295			
1	Cầu vượt QL12A	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,028				37.946.355.081	37.946.355.081	Mới đưa vào khai thác		
2	Cầu Quảng Lộc	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,156				78.017.565.061	78.017.565.061	Mới đưa vào khai thác		
3	Cầu Quảng Hòa 1	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,033				14.450.237.229	14.450.237.229	Mới đưa vào sử dụng		

TT	Tên tài sản	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp /hạng	Số lượng, chiều dài (cái)	Diện tích (m2)			Giá trị		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Diện tích đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
4	Cầu Quảng Hòa 2	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,033				13.847.690.708	13.847.690.708	Mới đưa vào sử dụng		
5	Cầu Quảng Sơn 1	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,229				107.529.952.554	107.529.952.554	Mới đưa vào sử dụng		
6	Cầu Quảng Sơn 2	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,060				35.021.423.779	35.021.423.779	Mới đưa vào sử dụng		
7	Cầu Quảng Sơn 4	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,068				27.503.893.733	27.503.893.733	Mới đưa vào sử dụng		
8	Cầu Sông Đào	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,153				41.585.667.676	41.585.667.676	Mới đưa vào sử dụng		
9	Cầu Cự Nẫm	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,258				70.728.257.905	70.728.257.905	Mới đưa vào sử dụng		
10	Cầu vượt đường HCM	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,036				18.709.254.569	18.709.254.569	Mới đưa vào sử dụng		
3	Hầm đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với hầm	Tỉnh Hà Tĩnh	2025		1,179				1.378.456.454.730	1.378.456.454.730			
3.1	Hầm Đèo Bụt và các công trình phụ trợ gắn liền với hầm (Km577+576,14 (Nhánh hầm trái); Km577+570,70 (Nhánh hầm phải) - Km578+755,00 (Nhánh hầm trái); Km578+880,00 (Nhánh hầm phải))	Tỉnh Hà Tĩnh	2025	I	1,179				1.378.456.454.730	1.378.456.454.730	Mới đưa vào sử dụng		

2. Chú ý:

- Giá trị phần Xây lắp, dự phòng theo Phụ lục hợp đồng số 12 ký ngày 25/8/2025 và Phụ lục hợp đồng xây lắp số 12 ký ngày 26/8/2025.
- Các chi phí GPMB, TV, khác theo Tổng mức đầu tư được duyệt tại Quyết định 1089/QĐ-BXD ngày 17/7/2025 của Bộ Xây dựng.
- Về nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 44/2024/NĐ-CP của Chính phủ, sau khi quyết toán hoàn thành, Ban QLDA Đường sắt có trách nhiệm thông báo, gửi tới các đơn vị để thực hiện công tác cập nhật và điều chỉnh giá trị theo đúng quy định.